TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày: 30/7/2026
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hiếu

Ông Trần Gia Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2026/QĐST-DS ngày 15/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Minh K, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị K1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm B, nhà máy Z, xã N, tỉnh Tuyên Quang

2. Bà Đặng Minh Q, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ

3. Ông Đặng Minh V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu L, xã T, tỉnh Phú Thọ

4. Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Tuyên Quang

5. Bà Đặng Minh L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm I, nhà máy Z1, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

6. Bà Đặng Minh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: SN G, tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Ông Đặng Hồng C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: SN G, tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

8. Cụ Phan Thị T1, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ.

(Bà H có mặt; Ông K vắng mặt không có lý do; Cụ T1, bà K1, ông Q, ông V, bà V1, ông L, ông T, ông C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bố đẻ bà là Đặng Văn K2, sinh năm 1932, đã chết ngày 5/11/2000, mẹ đẻ là Phan Thị T1. Bố mẹ bà có 09 người con là Đặng Thị H, anh Đặng Minh K, chị Đặng Thị K1, Đặng Minh Q, Đặng Minh V, Đặng Thị V1, Đặng Minh L, Đặng Minh T, Đặng Hồng C, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bố mẹ bà có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 02 Thửa đất này bố mẹ bà đã sử dụng từ rất lâu, sau khi bố bà chết thì một mình mẹ bà sử dụng 02 thửa đất này (mẹ bà trồng cây chàm, cây ăn quả...). Trên đất không có công trình xây dựng gì.

Năm 2026, mẹ bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên thì được UBND phường thông báo 02 thửa đất này thuộc quyền sử dụng của bố mẹ bà. Nhưng do bố bà đã chết nên để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải ký tên làm hồ sơ nhưng do ông Đặng Minh K là anh trai tôi không hợp tác, không đưa giấy tờ và ký các thủ tục theo quy định.

Bà xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của bố mẹ bà nên bà đề nghị tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của bố bà đối với tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bà H có quan điểm phần của bà được hưởng, bà tự nguyện cho mẹ là cụ T1 và không yêu cầu cụ T1 phải thanh toán gì cho bà.

Bị đơn ông Đặng Minh K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến nhà ông K để giao các văn bản tố tụng, các giấy mời đến Toà án làm việc nhưng ông K không nhận văn bản và cũng không đến Toà án làm việc. Toà án đến nhà ông K để làm việc nhưng ông K không hợp tác. Do vậy không có quan điểm trình bày của ông K đối với các nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị T1 vắng mặt nhưng đã có lời khai lưu trong hồ sơ thể hiện:

Chồng cụ là Đặng Văn K2, sinh năm 1932, đã chết ngày 05/11/2000. Vợ chồng cụ có 09 người con là Đặng Thị H, Đặng Minh K, Đặng Thị K1, Đặng Minh Q, Đặng Minh V, Đặng Thị V1, Đặng Minh L, Đặng Minh T, Đặng Hồng C, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Vợ chồng cụ có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 02 Thửa đất này vợ chồng cụ đã sử dụng từ rất lâu, sau khi chồng cụ chết thì một mình cụ sử dụng 02 thửa đất này (trồng cây chàm, cây ăn quả...). Trên đất không có công trình xây dựng gì.

Năm 2026, cụ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên thì được UBND phường thông báo 02 thửa đất này thuộc quyền sử dụng của chồng cụ. Do chồng cụ đã chết nên để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải ký tên làm hồ sơ nhưng anh Đặng Minh K không hợp tác, không đưa giấy tờ và ký các thủ tục.

Cụ xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của vợ chồng nên cụ đề nghị tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế di sản của chồng cụ đối với tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay cụ là người quản lý, sử dụng 02 thửa đất này. Trên 02 thửa đất này có một số cây trồng (keo, bạch, đàn…) do cụ trồng. Nay chị H là con gái cụ đề nghị Toà án chia tài sản chung, chia thừa kế, cụ nhất trí và có quan điểm không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết các tài sản trên đất do những cây trồng này có giá trị không lớn.

Cụ là người cao tuổi đề nghị Toà án miễn án phí cho cụ. Do tuổi cao, cụ đề nghị Toà án cho cụ được giải quyết vắng mặt. Các văn bản tố tụng của Toà án giao cho cụ, đề nghị Toà án giao cho Đặng Thị H là con gái sẽ nhận thay cụ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị K1, ông Đặng Minh Q, ông Đặng Minh V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Minh L, ông Đặng Minh T, ông Đặng Hồng C vắng mặt nhưng đã có lời khai lưu trong hồ sơ thể hiện:

Các ông bà đều trình bày có bố đẻ là ông Đặng Văn K2, sinh năm 1932; đã chết ngày 5/11/2000, mẹ là Phan Thị T1. Bố mẹ ông bà có 09 người con là Đặng Thị H, Đặng Minh K, Đặng Thị K1, Đặng Minh Q, Đặng Minh V, Đặng Thị V1, Đặng Minh L, Đặng Minh T, Đặng Hồng C, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bố mẹ ông bà có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 02 Thửa đất này bố mẹ ông bà đã sử dụng từ rất lâu, sau khi bố chết thì một mình mẹ sử dụng 02 thửa đất này (mẹ tôi trồng cây chàm, cây ăn quả...). Trên đất không có công trình xây dựng gì.

Năm 2026, mẹ ông bà là cụ T1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên thì được UBND phường thông báo 02 thửa đất này thuộc quyền sử dụng của bố là cụ K2. Do cụ K2 đã chết nên để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải ký tên làm hồ sơ nhưng ông Đặng Minh K không hợp tác, không đưa giấy tờ và ký các thủ tục.

Các ông bà đều xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của bố mẹ nên đề nghị tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của bố đối với tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ số 80 (thửa đất số 273, tờ bản đồ 21 bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Phần của các ông bà được hưởng, các ông bà tự nguyện cho mẹ là cụ T1 và không yêu cầu cụ T1 phải thanh toán gì cho các ông bà. Do bận công việc nên các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho các ông bà, đề nghị tòa án giao cho bà Đặng Thị H nhận thay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 609, 611, 612, 613, 620, 650, 651 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Điều 135, 136, 138 Luật Đất đai 2024.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định thửa đất số 263 nay là thửa đất số 264, 265, 266, tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 và thửa đất số 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) nay là thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa có số thửa, có diện tích 1344,2m^2 đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1. Cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1 mỗi người được hưởng diện tích đất trồng cây lâu năm là 156,1m^2 đối với thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 và mỗi cụ được hưởng 672,1m^2 đất trồng cây lâu năm trên thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa. Giá trị tài sản cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1 mỗi người được hưởng là 59.630.400đ.

Xác định di sản thừa kế của cụ Đặng Văn K2 để lại là 156,1m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 và 672,1m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa. Tổng giá trị di sản thừa kế là 59.630.400đ.

Giao cho cụ Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 263 nay là thửa đất số 264, 265, 266, tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ, giá trị tài sản là 22.478.400đ (Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Giao cho cụ Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) nay là thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa có số thửa, có diện tích 1344,2m^2 đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ, giá trị tài sản là 96.782.400đ (Có bản bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Cụ Phan Thị T1 không phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Đặng Thị K1, ông Đặng Minh Q, bà Đặng Thị H, ông Đặng Minh V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Minh L, ông Đặng Minh T và ông Đặng Hồng C.

Buộc cụ Phan Thị T1 có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Đặng Minh K là 5.963.040đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Thực hiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế" được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn, tài sản đề nghị giải quyết trong vụ án này là bất động sản đều có địa chỉ tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ K2 chết năm 2000, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì nguyên đơn bà H khởi kiện được xác định vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông K mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông K không đến Tòa án để làm việc. Như vậy ông K đã tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, do đó ông K không có bản tự khai, đồng thời Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 15/7/2026, bị đơn ông K đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, ông K đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời những người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã xác minh về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất…UBND phường P cung cấp: Thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ hiện chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai. Theo hồ sơ địa chính, hai thửa đất trên được ghi nhận chủ sử dụng đất là cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1. Cụ K2, cụ T1 đã sử dụng hai thửa đất trên từ trước năm 1990 đến nay. Sau khi cụ K2 chết (ngày 05/11/2000), thì vợ cụ K2 là cụ Phan Thị T1, sinh năm 1930; Địa chỉ: Khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ đang sử dụng các thửa đất này và gia đình có làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do thiếu chữ ký của các đồng thừa kế, nên gia đình cụ K2 và cụ T1 vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.Quá trình sử dụng đất, gia đình cụ K2, cụ T1 sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp gì với các hộ xung quanh. Thửa đất số 263 hiện nay được đánh số là thửa đất số 264, 265, 266, tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 đất trồng cây lâu năm, còn thửa đất số 264 có diện tích 1344,2m^2 tuy nhiên thửa đất này nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng hiện nay chưa được đánh số thửa.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất đang có tranh chấp thể hiện: Thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 đất trồng cây lâu năm, còn thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa có diện tích 1344,2m^2. Vì vậy, có cơ sở để xác định diện tích 312,2m^2 đất và diện tích 1344,2m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ K2 và cụ T1, do hai cụ tạo lập.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định thửa đất số 263, 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của cụ K2 và cụ T1. Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị phân chia tài sản chung giữa cụ K2 và cụ T1. Sau đó chia thừa kế phần di sản của cụ K2.

Để làm rõ hơn về điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tranh chấp trên, Toà án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Phú Thọ, thể hiện:

Về số thửa đất có diện tích 1344,2m^2 đất trồng cây lâu năm tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ: Theo bản đồ địa chính năm 1998 thì thửa đất này là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 21. Tuy nhiên theo bản đồ địa chính hiện hành thì diện tích 1344,2m^2 đất trồng cây lâu năm nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được cấp số thửa. Khi người sử dụng đất có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền sẽ căn cứ các dữ liệu về địa chính để cấp số thửa theo quy định pháp luật.

Về loại đất của hai thửa đất trên: Căn cứ sổ mục kê, sổ địa chính và hiện trạng sử dụng đất thì hiện nay hai thửa đất trên đều là đất trồng cây lâu năm.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Toàn bộ diện tích đất của hai thửa đất này đều nằm trong quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Như vậy 02 thửa đất trên có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về phân chia tài sản chung:

Theo lời trình bày của cụ T1, các con cụ T1 (trừ ông K) và UBND phường P thì hai thửa đất này được cụ K2 và cụ T1 sử dụng từ trước năm 1990 đến nay, sau khi cụ K2 chết thì cụ T1 sử dụng các thửa đất này. Tất cả các đương sự đều không đề cập đến công sức đóng góp của từng cụ. Khi Toà án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất, cụ T1 cũng xác định trên đất chỉ có một vài cây do cụ trồng nhưng giá trị không lớn nên không đề nghị giải quyết. Ngoài ra cụ T1 cũng không có yêu cầu đề nghị gì về công sức duy trì tôn tạo tài sản. Do vậy, cần xác định cụ K2 và cụ T1 có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung. Mỗi cụ được hưởng ½ diện tích đất tranh chấp theo bản đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, cụ thể đối với thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 đất trồng cây lâu năm thì mỗi cụ được hưởng là 156,1m^2 x 72.000đ= 11.239.200đ(mười một triệu hai trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng). Thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa có diện tích 1344,2m^2, mỗi cụ được hưởng diện tích đất trồng cây lâu năm là 672,1m^2 x 72.000đ= 48.391.200đ (bốn mươi tám triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm đồng) . Như vậy tổng giá trị tài sản mà cụ K2 và cụ T1 mỗi người được hưởng là 59.630.400đ (năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng)

Về tài sản trên đất: Các đương sự xác định trên đất có một số cây do cụ Trọng trồng nhưng giá trị không lớn nên không đề nghị giải quyết, do vậy không đề cập giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế của cụ K2:

Di sản thừa kế của cụ K2 để lại tại thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 là 156,1m^2; Tại thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa là 672,1m^2.

Cụ K2 và cụ T1 có 09 người con chung gồm Đặng Thị K1, Đặng Minh Q, Đặng Minh K, Đặng Thị H, Đặng Minh V, Đặng Thị V1, Đặng Minh L, Đặng Minh T, Đặng Hồng C. Cụ K2 không có con nuôi, con riêng nào khác, bố mẹ đẻ cụ K2 đều đã chết trước cụ K2, cụ K2 không có bố mẹ nuôi. Như vậy, hàng thừa kế của cụ K2 gồm 10 người là cụ T1, bà K1, ông Q, ông K, bà H, ông V, bà V1, ông L, ông T, ông C. Do vậy mỗi suất thừa kế của cụ K2 được hưởng giá trị di sản là 156,1m^2 + 672,1m^2 = (828,2m^2 x 72.000đ/m^2): 10 = 5.963.040đ (năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Các con của cụ T1 là bà K1, ông Q, bà H, ông V, bà V1, ông L, ông T, ông C đều có quan điểm phần của các ông bà được hưởng sẽ tự nguyện cho cụ T1 và không yêu cầu cụ T1 phải thanh toán gì. Như vậy cụ T1 được hưởng 01 suất thừa kế của mình và 08 suất của những người con cho là bà K1, ông Q, bà H, ông V, bà V1, ông L, ông T, ông C, tổng cộng cụ T1 được hưởng 09 suất thừa kế. Do diện tích của mỗi đồng thừa kế được hưởng không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa, đồng thời hiện nay di sản này đang do cụ T1 quản lý nên cần giao cho cụ T1 quản lý, sử dụng di sản là hiện vật và buộc cụ T1 phải có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông K là 5.963.040đ (năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng). Tổng giá trị di sản thừa kế mà cụ T1 được hưởng là 53.667.360đ (năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm, định giá tài sản hết 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm, định giá tài sản. Xác nhận bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí: Bà Đặng Thị H, cụ Phan Thị T1 và ông Đặng Minh K đều là người cao tuổi. Do bà H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cụ T1 có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên cụ T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét. Ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điểm a,c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 613, 620, 650, 651 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 135, 136, 138 Luật Đất đai 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1]. Xác định thửa đất số 263 nay là thửa đất số 264, 265, 266, tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 và thửa đất số 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) nay là thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa có số thửa, có diện tích 1344,2m^2 đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1. Cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1 mỗi người được hưởng diện tích đất trồng cây lâu năm là 156,1m^2 đối với thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 và mỗi cụ được hưởng 672,1m^2 đất trồng cây lâu năm trên thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa. Giá trị tài sản cụ Đặng Văn K2 và cụ Phan Thị T1 mỗi người được hưởng là 59.630.400đ (năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng)

[2]. Xác định di sản thừa kế của cụ Đặng Văn K2 để lại là 156,1m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 264, 265, 266 tờ bản đồ 80 và 672,1m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa được đánh số thửa. Tổng giá trị di sản thừa kế là 59.630.400đ (năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng)

Giao cho cụ Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 263 nay là thửa đất số 264, 265, 266, tờ bản đồ 80 có diện tích 312,2m^2 đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ, giá trị tài sản là 22.478.400đ (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy tám nghìn bốn trăm đồng). Có bản bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

Giao cho cụ Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 264 tờ bản đồ 80 (thửa số 273, tờ bản đồ 21, bản đồ địa chính năm 1998) nay là thửa đất nằm trong tờ bản đồ 80 nhưng chưa có số thửa, có diện tích 1344,2m^2 đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ tại khu F, phường P, tỉnh Phú Thọ, giá trị tài sản là 96.782.400đ (chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Có bản bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

Cụ Phan Thị T1 không phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Đặng Thị K1, ông Đặng Minh Q, bà Đặng Thị H, ông Đặng Minh V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Minh L, ông Đặng Minh T và ông Đặng Hồng C.

Buộc cụ Phan Thị T1 có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Đặng Minh K là 5.963.040đ (năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3].Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Đặng Thị H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[4].Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Phan Thị T1. Ông Đặng Minh K phải chịu 298.152đ (hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H là nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều

7, Điều 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Phú Thọ;
- Chi cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Phong Châu;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Hà